TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ KUIN** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST
Ngày 11/01/2024
"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Lợi
Các Hội thẩm nhân dân:- Ông Nguyễn Thế Vinh
- Bà Hoàng Thị Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Duy– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa:
Ông Trần Đình Phương – Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2023/TLST-HNGĐ ngày 10/10/2023 về "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H.P, sinh năm 1993
Trú tại: Thôn 1, xã E, huyện C, tỉnh Đ (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn D, sinh năm 1993
Trú tại: Thôn 1, xã E, huyện C, tỉnh Đ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.P trình bày:

Tôi và ông Phạm Văn D có thời gian tìm hiểu, yêu thương và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2019. Đến ngày 15/01/2020 thì cả hai đi đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh N. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại nhà bó mẹ bà Phương ở thôn 1, xã E, huyện C, tỉnh Đ hạnh phúc được một thời gian ngắn. Sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, không tin tưởng nhau dẫn đến thường xảy ra cãi vã và xô xát lẫn nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Phạm Văn D.

Về con chung: Quá trình chung sống chúng tôi không có con chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Phạm Văn D: Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và triệu hợp lệ nhiều lần nhưng ông D không đến Tòa án làm việc. Qua xác minh tại địa phương nơi ông D đang cư trú, được biết ông Phạm Văn D từ khi kết hôn với bà Nguyễn Thị H.P thì chuyển về sinh sống ổn định tại nhà bố mẹ đẻ của bà P. Tuy không đăng ký tạm trú nhưng vẫn sinh sống tại địa phương và cố tình lẩn tránh nên Tòa án không thể lấy lời khai của ông D.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện thủ tục tố tụng đúng theo trình tự quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, vắng mặt nhiều lần không có lý do, đề nghị HĐXX xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các Điều 51; 53; 56; 58; Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.P.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị H.P được ly hôn với ông Phạm Văn D.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị H.P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Phạm Văn D hiện đang cư trú tại thôn 1, xã Ea Tiêu, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk, là vụ án "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Văn D đều không có mặt theo giấy triệu tập của Toà án, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ để tham gia tố tụng nhưng đều vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt ông Phạm Văn D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H.P và ông Phạm Văn D là người thân quen, có thời gian tìm hiểu, yêu thương, tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn ngày 15/01/2020 tại UBND xã N, huyện N, tỉnh N, đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại thôn 1, xã E, huyện C, tỉnh Đ, hạnh phúc được thời gian ngắn. Sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, theo bà P nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau, không tin tưởng nhau. Nay bà P nhận thấy không còn tình cảm với ông D, mục đích hôn nhân không đạt được nên khởi kiện yêu cầu ly hôn.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương: Ông Phạm Văn D không đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 1, xã E, huyện C, tỉnh Đ, tuy nhiên sau khi kết hôn với

bà Nguyễn Thị H.P thì hai vợ chồng ông D, bà P chung sống và làm ăn ổn định tại nhà bố mẹ đẻ của bà P tại thôn 1, xã E, huyện C, tỉnh Đ cho đến nay. Quá trình chung sống tại địa phương thì vợ chồng ông D, bà P chung sống không hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã và xô xát lẫn nhau.

Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng của bà Nguyễn Thị H.P và ông Phạm Văn D không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị H.P, cho bà Phương được ly hôn với ông Phạm Văn D.

[3] Về con chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại văn bản số 51/YC-VKS-HNGĐ ngày 22/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C yêu cầu xác minh ông Phạm Văn D hiện đang làm việc và cư trú ở đâu? Nhận thấy nguyên đơn khai nhận và đại diện chính quyền địa phương cho biết: ….Sau khi kết hôn với bà Nguyễn Thị H.P thì ông D chuyển về thôn 1, xã E, huyện C, tỉnh Đ làm ăn sinh sống ổn định tại nhà bố mẹ đẻ của bà P. Hiện nay ông D vẫn còn sinh sống tại thôn 1, xã E, huyện C nhưng do ham chơi nên thường xuyên không ở nhà. Nên Tòa án xác định nơi cư rú của ông Phạm Văn D là thôn 1, xã E, huyện C, tỉnh Đ.

- Về yêu cầu lấy ý kiến của ông Phạm Văn D về việc bà Nguyễn Thị H.P khởi kiện ly hôn và việc ông D đồng ý để Toà án nhân dân huyện Cư Kuin giải quyết ly hôn giữa bà P và ông D không? Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập hợp lệ ông Phạm Văn D cố tình vắng mặt nên không thể hỏi ý kiến của ông D được, mà chỉ giải quyết ly hôn theo yêu cầu của một bên (bà P) theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về yêu cầu làm rõ ông Phạm Văn D đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập của Toà án hay chưa: Căn cứ biên bản giao nhận ngày 10/10/2023 thì ông Phạm Văn D đã ký nhận vào biên bản với nội dung nhận thông báo thụ lý vụ án số 160/TB-TLVA ngày 10/10/2023 và Giấy triệu tập của TAND huyện Cư Kuin. Do đó Viện kiểm sát yêu cầu làm rõ có phải ông D nhận được hay không là không cần thiết nên không chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H.P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51; 53; 56; 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị H.P được ly hôn với ông Phạm Văn D.

2. Về con chung: Các đương sự không có con chung nên không giải quyết.

2. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị H.P phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí về ly hôn, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2021/0017767 ngày 02/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đ.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đ;
- VKSND huyện C;
- THA huyện C
- Các đương sự;
- UBND xã E;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

LÊ LỢI